

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2015

BIÊN BẢN
KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

Đơn vị chủ trì: Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)

Đơn vị phối hợp: Chi cục Tài chính Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị được kiểm tra: Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn

Thời gian kiểm tra từ ngày: 14/10/2014 đến ngày 18/10/2014

1/ Tổ chuyên viên kiểm tra:

Đại diện Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------|
| - Ông Nguyễn Thanh Tuấn | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| - Ông Lê Thăng Cần | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| - Bà Hoàng Thị Hồng Nhung | Phó phòng Quản lý và Kinh doanh vốn |
| - Ông Phan Duy Ân | Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán |

Đại diện Chi cục Tài chính doanh nghiệp

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Võ Hữu Hạnh | Trưởng phòng Nông nghiệp - Thủy sản và khác |
| - Bà Trần Thị Kim Ngân | Phó phòng Thương Mại Du Lịch |
| - Bà Phạm Thị Huệ | Chuyên viên phòng NN - Thủy sản và khác |

2/ Đại diện Doanh nghiệp:

- | | |
|------------------------|----------------|
| - Ông Nguyễn Ngọc Thọ | Giám đốc |
| - Bà Phan Thị Tú Trinh | Kế toán trưởng |

Nội dung và phạm vi kiểm tra:

1. Căn cứ kiểm tra:

- Căn cứ Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn (Công ty) lập ngày 22/09/2014 bởi Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) phối hợp với Chi cục Tài chính Doanh nghiệp.

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn lập ngày 28/03/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt (Vietvalues), các tài liệu, số liệu do Công ty cung cấp.

2. Nội dung kiểm tra:

- Tăng giảm tài sản cố định, vốn;
- Khấu hao tài sản cố định;
- Tình hình đầu tư, doanh thu và chi phí;

- Kiểm tra chọn mẫu một số chi phí quản lý doanh nghiệp trên cơ sở chứng từ, tài liệu kế toán, sổ kế toán do Công ty cung cấp.

3. Giới hạn kiểm tra:

- Tổ kiểm tra không chứng kiến kiểm kê tiền, tài sản, hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2013; không thực hiện đối chiếu xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả; không thực hiện xác minh tính hợp pháp của các loại hóa đơn, chứng từ; không kiểm tra chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tính toán vốn đầu tư của các dự án; không trực tiếp quan sát hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Công ty; không kiểm tra thực tế tại hiện trường; không kiểm tra những nội dung đang được các cơ quan có thẩm quyền điều tra.

- Tổ kiểm tra chỉ kiểm tra chọn mẫu trên các chứng từ, tài liệu kế toán, sổ kế toán, thống kê và Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty cung cấp tại thời điểm kiểm tra, Công ty tự chịu trách nhiệm về tính pháp lý và sự đầy đủ của chứng từ, tài liệu, báo cáo đã cung cấp cho Tổ kiểm tra. Nếu sau này có phát hiện chênh lệch khác ngoài kết quả trong báo cáo kiểm tra này, Công ty phải tự chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

- Không kiểm tra chứng từ chi Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành, Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung chi, chứng từ chi theo đúng quy định.

I. SỔ KIỂM TRA QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Số báo cáo QT	Số kiểm tra QT	Chênh lệch
A. TÀI SẢN			
I. Tài sản ngắn hạn			
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	305.939.388.744	306.293.086.144	353.697.400
(Tổng số chưa trừ dự phòng)			
- Đã dự phòng nợ khó đòi (*)	(8.254.762.739)	(184.133.486)	8.070.629.253
2. Hàng tồn kho	21.098.239.482	20.934.144.181	(164.095.301)
(Tổng số chưa trừ dự phòng)			
- Đã dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
II. Tài sản dài hạn			
1. Các khoản phải thu dài hạn			
(Tổng số chưa trừ dự phòng)			
- Đã dự phòng nợ khó đòi (*)			
2. Nguyên giá TSCĐ			
- Số đầu kỳ	175.489.291.166	175.489.291.166	-

- Số tăng trong kỳ	37.408.184.534	37.408.184.534	-
- Số giảm trong kỳ	5.668.429.539	5.668.429.539	-
- Số cuối năm	207.229.046.161	207.229.046.161	-
3. Hao mòn TSCĐ			
- Số đầu kỳ	59.434.917.100	59.434.917.100	-
- Số tăng trong kỳ	19.246.645.088	19.246.645.088	-
- Số giảm trong kỳ	5.280.346.661	5.280.346.661	-
- Số cuối năm	73.401.215.527	73.401.215.527	-
4. Chi phí XDCB dở dang			
5. Bất động sản đầu tư			
- Nguyên giá			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
6. Các khoản đầu tư TC dài hạn			
<i>(Tổng số chưa trừ dự phòng)</i>			
- Đã dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)			
B. NGUỒN VỐN (I + II)			
I. Nợ phải trả	479.720.950.800	490.856.489.780	11.135.538.980
1. Nợ ngắn hạn	478.085.161.001	489.220.699.981	11.135.538.980
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ ngắn hạn:			
<i>Trong đó: Vay nước ngoài:</i>			
1.2. Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn			
1.3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
- Số đầu năm	15.730.883.156	15.730.883.156	-
- Số tăng trong năm	5.643.327.343	13.623.254.104	7.979.926.761
- Số giảm trong năm	17.858.662.536	17.858.662.536	-
- Số cuối năm	3.515.547.963	11.495.474.724	7.979.926.761
1.4. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành			
- Số đầu năm	150.000.000	150.000.000	
- Số tăng trong năm		179.444.315	
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm	150.000.000	329.444.315	179.444.315

2. Nợ dài hạn	1.635.789.799	1.635.789.799	
Trong đó:			
1.1. Vay và nợ dài hạn:			
<i>Trong đó: Vay nước ngoài:</i>			
1.2. Dự phòng nợ phải trả dài hạn			
1.3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			
II. Vốn chủ sở hữu			
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Số đầu kỳ	97.361.500.000	97.361.500.000	
- Số tăng trong kỳ			
- Số giảm trong kỳ			
- Số cuối năm	97.361.500.000	97.361.500.000	
2. Vốn khác			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm			
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm			
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm			
4. Quỹ đầu tư phát triển			
- Số đầu năm			
- Số tăng trong năm		45.305.428.596	45.305.428.596
- Số giảm trong năm			
- Số cuối năm		45.305.428.596	45.305.428.596
5. Nguồn vốn nhà nước đến cuối kỳ			
(1 - vốn nhận LD + 2 + 3 + 4)			
6. Quỹ dự phòng tài chính			
- Số đầu kỳ	24.892.873.002	24.892.873.002	
- Số tăng trong kỳ			
- Số giảm trong kỳ		24.892.873.002	24.892.873.002
- Số cuối năm	24.892.873.002	-	(24.892.873.002)
C. KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM			
1. Tổng doanh thu & các khoản thu nhập	1.126.034.624.176	1.126.592.570.576	557.946.400

2. Các khoản giảm trừ			
3. Doanh thu thuần:	1.126.034.624.176	1.126.592.570.576	557.946.400
Trong đó: - Doanh thu hoạt động SXKD	1.113.131.893.589	1.113.414.412.732	282.519.143
- Doanh thu tài chính	9.603.215.581	9.878.642.838	275.427.257
- Thu nhập khác	3.299.515.006	3.299.515.006	
4. Tổng chi phí	1.040.562.829.741	1.035.725.323.693	(4.837.596.048)
+ Giá vốn hàng bán	973.628.325.225	973.892.480.225	264.155.000
+ Chi phí tài chính			
Trong đó: Chi phí lãi vay			
+ Chi phí bán hàng			
+ Chi phí quản lý DN	64.728.657.610	59.626.996.562	(5.101.661.048)
+ Chi phí khác	2.205.846.906	2.205.846.905	
5. Lợi nhuận kế toán trước thuế	85.471.794.435	90.867.246.883	5.395.452.448
- Lãi (+), lỗ (-) từ hoạt động tài chính	84.378.126.335	89.773.578.733	5.395.452.448
- Lãi (+), lỗ (-) khác	1.093.668.100	1.093.668.100	
Lỗ năm trước chuyển sang được chuyển trừ thu nhập chịu thuế			
Tổng thu nhập chịu thuế	88.879.620.449	91.301.579.609	2.421.959.160
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22.219.905.112	22.825.394.903	605.489.791
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	63.251.889.323	68.041.851.980	4.789.962.657
Phân phối lợi nhuận sau thuế			
- Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển		20.412.555.594	20.412.555.594
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.442.367.343	13.422.294.106	7.979.926.763
- Quỹ thưởng ban điều hành		179.444.315	179.444.315
- Lợi nhuận còn lại nộp về HFIC	57.809.521.980	34.027.557.965	(23.781.964.015)
D. CÁC KHOẢN QUAN HỆ VỚI NSNN			
1. Các khoản phải nộp NSNN:			
- Số kỳ trước chuyển qua: thừa (+), thiếu (-)	(69.093.416.437)	(69.093.416.437)	-
+ Trong đó, thuế các loại	(7.889.486.634)	(7.889.486.634)	-
- Phát sinh phải nộp trong kỳ	52.654.824.325	53.260.314.116	605.489.791
+ Trong đó, thuế các loại	51.229.686.762	51.835.176.553	605.489.791

- Đã nộp trong kỳ	59.496.471.287	59.496.471.287	
+ Trong đó, thuế các loại	58.035.218.311	58.035.218.311	
- Số chuyển sang kỳ sau: thừa (+), thiếu (-)	(62.251.769.475)	(62.857.259.266)	605.489.791
Trong đó, thuế các loại	(1.083.955.085)	(1.689.444.876)	605.489.791
2. Các khoản được NS cấp:			
a) Cấp vốn lưu động			
b) Cấp bù lỗ			
c) Cấp vốn đầu tư XD CB			
d) Cấp phát khác			

II. XỬ LÝ TỒN TẠI VÀ NHẬN XÉT QUYẾT TOÁN

- Kết quả kiểm tra trên đây căn cứ vào số dư của Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2012 và Báo cáo tài chính năm 2013 của do Công ty cung cấp. Trường hợp có các tài liệu khác có liên quan đến nội dung kiểm tra nhưng Công ty không cung cấp thì Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm.

1. Ý kiến xử lý báo cáo tài chính:

- Kèm bút toán điều chỉnh và bảng cân đối kế toán sau điều chỉnh (đính kèm).

1.1 Doanh thu: Tăng 557.946.400 đồng so với số liệu quyết toán của Công ty là do:

- Tăng doanh thu hoạt động tài chính khoản lãi dự thu đối với các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn năm 2013 275.427.257
- Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với công trình Hàm cống trạm Phú Nhuận 218.448.234
- Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với công trình tái lập mặt đường F2,3 Phú Nhuận 64.070.909

1.2 Chi phí: Giảm 4.837.506.048 đồng so với số liệu quyết toán của Công ty là do:

- Tăng giá vốn công trình Hàm cống trạm Phú Nhuận 204.249.000
- Tăng giá vốn công trình TLMD Phường 2,3 Quận Phú Nhuận 59.906.000
- Trích bổ sung quỹ lương người lao động năm 2013 2.794.542.162
- Trích bổ sung quỹ lương, thù lao VCQL năm 2013 174.426.043
- Hủy các bút toán trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (8.070.629.253)

1.3 Lợi nhuận kế toán trước thuế: Tăng 5.395.452.448 đồng so với số báo cáo của Công ty là do điều chỉnh doanh thu, chi phí trình bày nêu trên.

1.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Tăng 605.489.791 đồng so với số báo cáo của Công ty do xác định lại thu nhập chịu thuế.

1.5 Các khoản phải thu ngắn hạn: Tăng 353.697.400 đồng so với số liệu quyết toán của Công ty là do:

- Tăng doanh thu hoạt động tài chính khoản lãi dự thu đối với các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn năm 2013	275.427.257
- Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với công trình Hàm cống trạm Phú Nhuận	218.448.234
- Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với công trình tái lập mặt đường F2,3 Phú Nhuận	64.070.909
- Chuyển khoản phải thu do Công ty ứng vượt cho Ông Trần Thanh Tùng mua vật tư	245.751.000
- Giảm bút toán của kiểm toán công trình Hàm cống Trạm Phú Nhuận do hạch toán 2 lần	(450.000.000)

1.6 Hàng tồn kho: Giảm 164.095.301 đồng so với số báo cáo của Công ty là do

- Ghi nhận giá vốn công trình TLMD F 2,3 Quận Phú Nhuận	52.706.301
- Kết chuyển khoản Công ty ứng vượt cho đội thi công thực hiện công trình tái lập mạng cấp nước chi nhánh Gia định	111.389.000

1.7 Nợ phải trả ngắn hạn: Tăng 11.135.538.980 đồng so với số liệu quyết toán của Công ty là do:

- Trích bổ sung quỹ lương người lao động năm 2013	2.794.542.162
- Tăng nợ phải trả công trình TLMD F 2,3 Quận Phú Nhuận	7.199.699
- Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2013	7.979.926.761
- Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2013	179.444.315
- Trích bổ sung quỹ lương, thù lao VCQL năm 2013	174.426.043

1.8 Phân phối lợi nhuận:

Phân phối lợi nhuận năm 2013:

- Căn cứ Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-HĐTV ngày 26/08/2015 của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố về xếp loại doanh nghiệp và xếp loại viên chức quản lý năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn. Theo đó, xếp loại doanh nghiệp loại: B, Viên chức quản lý loại: Hoàn thành nhiệm vụ.

Tổ kiểm tra tạm phân phối lợi nhuận năm 2013 của Công ty như sau:

- Lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN	68.041.851.980
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20.412.555.594
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	13.422.294.106
- Trích quỹ thưởng ban điều hành	179.444.315
- Lợi nhuận còn lại nộp về HFIC	34.027.557.965

- Theo quy định tại điểm g khoản 14 Điều 14 Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ: "14. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với công ty con 100% vốn nhà nước: ...g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ".

- Do đó việc phân phối lợi nhuận năm 2013 của Công ty sẽ được thực hiện sau khi Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố phê duyệt phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty. Trường hợp số liệu phân phối lợi nhuận năm 2013 của Công ty có thay đổi so với số liệu trên thì Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn có trách nhiệm điều chỉnh lại số liệu cho phù hợp.

- Sau khi có Nghị quyết phê duyệt của Hội đồng thành viên đề nghị Công ty kết chuyển toàn bộ số dư quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận còn lại về Công ty mẹ (HFIC).

2. Nhận xét báo cáo tài chính:

2.1. Việc chấp hành Luật kế toán:

- Công ty nộp báo cáo định kỳ và quyết toán năm đảm bảo thời gian theo quy định.

- Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2.2. Tình hình đối chiếu công nợ:

a- Tình hình đối chiếu công nợ:

Tại thời điểm 31/12/2013 tình hình đối chiếu các khoản nợ phải thu phải trả như sau:

- Công nợ phải thu là: 306.293.086.144
- Đã đối chiếu 280.172.674.657 Tỷ lệ 91,47%

Trong đó: Nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng trong năm 2012, chi tiết gồm:

Khách nợ	Đã lập dự phòng
+ Công ty Xây dựng Thương mại Việt Nhật	60.540.242
+ Công ty Xây dựng số 2	4.931.000
+ Công ty Phát triển kinh doanh nhà Cửu Long	118.662.244
Tổng cộng	184.133.486

- Công nợ phải trả là: 490.856.489.780
- Đã đối chiếu 470.602.253.681 Tỷ lệ 95,87%

- Công nợ đối chiếu tương đối đầy đủ. Đề nghị Công ty tiếp tục tiến hành việc đối chiếu, xác nhận các khoản phải thu, phải trả còn lại để đảm bảo tính trung thực của công nợ phải thu, phải trả phản ánh trên sổ sách kế toán.

- Số liệu công nợ trên biên bản kiểm tra, Tổ kiểm tra chỉ ghi nhận theo số báo cáo của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác của các khoản công nợ và biên bản đối chiếu xác nhận.

- Đề nghị Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý nợ, có biện pháp xử lý, thu hồi dứt điểm đối với các khoản nợ phải thu khó đòi.

2.3. Tình hình hàng tồn kho:

- Số dư cuối kỳ hàng tồn kho theo báo cáo của Công ty là 20.934.144.181 đồng chủ yếu là chi phí sản xuất dở dang 12.974.261.885 đồng, nguyên vật liệu 7.877.622.684 đồng và giá trị công cụ dụng cụ 82.259.612 đồng.

- Công ty mở sổ kế toán theo dõi các khoản mục hàng tồn kho, có thực hiện kiểm kê theo quy định.

- Tổ kiểm tra chỉ ghi nhận số liệu hàng tồn kho theo báo cáo của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác kiểm kê thực tế hàng tồn tại thời điểm 31/12/2013, nếu có sai lệch giữa sổ sách và thực tế, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm.

2.4. Tình hình quản lý sử dụng TSCĐ:

Về tình hình quản lý và trích khấu hao tài sản cố định:

- Công ty thực hiện quản lý và trích khấu hao theo đúng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, tổ chức kiểm kê tài sản vào cuối năm.
- Tại Công ty còn trình trạng mất tài sản cố định. Đề nghị Công ty TNHH MTV Giao thông Sài Gòn chấn chỉnh việc theo dõi, quản lý tài sản cố định, tránh tình trạng mất tài sản.
- Về tình hình sử dụng các mặt bằng được giao: Theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.5. Thu nhập của người lao động:

Căn cứ Thông báo số 934/ĐTTC ngày 29/5/2015 của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố về quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn:

Tổng quỹ lương:	106.546.622.383	đồng
- Quỹ lương Hội đồng TV, G.đốc	1.978.905.740	đồng
- Người lao động	104.567.716.643	đồng
Số lao động bình quân không kể VCQL :	738	người
Thu nhập bình quân của người lao động :	11.807.556	đồng/người/tháng

Theo Thông báo số 934/ĐTTC ngày 29/5/2015: “Trong trường hợp phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2013 do HFIC thực hiện, kiểm tra báo cáo tài chính của Kiểm toán nhà nước (nếu có), các chỉ tiêu liên quan đến việc xác định quỹ tiền lương này thay đổi về mặt số liệu thì Quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 phải được xem xét điều chỉnh tương ứng, đảm bảo phù hợp với quy định.” Do tổng doanh thu và tổng chi phí thay đổi như trên, HFIC đã thẩm định lại quỹ lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn như sau:

- Tăng quỹ lương người lao động năm 2013: 2.810.636.205 đồng
- Tăng quỹ lương, thù lao thực hiện VCQL năm 2013: 174.426.043 đồng

III. Ý KIẾN DOANH NGHIỆP :

Theo công văn 4274/UBND -TM ngày 27/08/2014 về phương án xử lý nhà đất đã được UB NDTP phê duyệt đối với 01 nhà đất tại số 252 đường Lý Chính Thắng, Phường 9, Quận 3 (Diện tích đất 117m²; diện tích sàn sử dụng 117 m²) Công ty đã thu hồi giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tiếp nhận theo đúng quy định.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
Kế toán trưởng Giám đốc

Thank

Giám đốc

Nail

ĐẠI DIỆN
CHI CỤC TÀI CHÍNH
DOANH NGHIỆP
TRƯỞNG PHÒNG

PHỐ PHONG

my

Trần Thị Kim Ngân

Hub-

ve thi hoi)

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
NHÀ NƯỚC THÀNH PHỐ
PHỐ TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Ngọc Thanh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	607.680.732.940	615.446.863.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	172.404.397.857	172.404.397.857
1. Tiền	111	83.706.642.775	83.706.642.775
2. Các khoản tương đương tiền	112	88.697.755.082	88.697.755.082
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-
III. Các khoản phải thu	130	297.684.626.005	306.108.952.658
1. Phải thu khách hàng	131	292.354.083.633	292.636.602.776
2. Trả trước cho người bán	132	541.414.500	541.414.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	13.043.890.611	13.115.068.868
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	(8.254.762.739)	(184.133.486)
IV. Hàng tồn kho	140	21.098.239.482	20.934.144.181
1. Hàng tồn kho	141	21.098.239.482	20.934.144.181
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	116.493.469.596	115.999.368.805
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.069.069.981	1.069.069.981
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.808.829.351	5.203.339.560
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	109.615.570.264	109.726.959.264

B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	134.901.428.792	134.901.428.792
I- Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	133.827.830.634	133.827.830.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	133.708.130.893	133.708.130.893
- Nguyên giá	222	206.747.754.342	206.747.754.342
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(73.039.623.449)	(73.039.623.449)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	119.699.741	119.699.741
- Nguyên giá	228	481.291.819	481.291.819
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(361.592.078)	(361.592.078)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	1.073.598.158	1.073.598.158
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	160.638.158	160.638.158
3. Tài sản dài hạn khác	268	912.960.000	912.960.000
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	742.582.161.732	750.348.292.293

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300	479.720.950.800	490.856.489.780
I. Nợ ngắn hạn	310	478.085.161.001	489.220.699.981
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	-	-
2. Phải trả người bán	312	28.355.354.387	28.355.354.387
3. Người mua trả tiền trước	313	45.621.770.113	45.621.770.113
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	68.060.598.826	68.060.598.826
5. Phải trả công nhân viên	315	13.346.846.328	16.315.814.533
6. Chi phí phải trả	316	25.090.910	25.090.910
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	301.564.818	301.564.818
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	318.708.387.656	318.715.587.355
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	3.515.547.963	11.495.474.724
12. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành		150.000.000	329.444.315
II. Nợ dài hạn	330	1.635.789.799	1.635.789.799
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	1.635.789.799	1.635.789.799
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	262.861.210.932	259.491.802.513
I- Vốn chủ sở hữu	410	262.952.167.954	259.582.759.535
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	97.361.500.000	97.361.500.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	412	-	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	45.305.428.596

6. Quỹ dự phòng tài chính	418	24.892.873.002	0
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	0	0
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420	140.697.794.932	116.915.830.939
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	(90.957.022)	(90.957.022)
1. Nguồn kinh phí	433	(90.957.022)	(90.957.022)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	434		
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	742.582.161.732	750.348.292.293

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Số cuối kỳ theo sổ sách 31/12/2013	Số cuối kỳ theo kiểm tra 31/12/2013
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Xổ số nhận bán hộ			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		128,94	128,94
USD			

BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH NĂM 2013
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN

(Đính kèm Biên bản Kiểm tra BCTC 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông
Sài Gòn do Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước thành phố lập ngày/...../.....)

Dvt: Đồng

TT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CỐ	SỐ TIỀN
1	Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với Công trình Hàm cống trạm Phú Nhuận	131	511	218.448.234
2	Ghi nhận giá vốn công trình Hàm cống trạm Phú Nhuận	632	154	204.249.000
3	Tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với Công trình tái lập mặt đường Phường 2,3 Phú Nhuận	131	511	64.070.909
4	Ghi nhận giá vốn công trình tái lập mặt đường Phường 2,3 Phú Nhuận	632		59.906.000
			154	52.706.301
			3388	7.199.699
5	Kết chuyển nợ phải thu ông Trần Thanh Tùng khoản Công ty ứng vượt để mua vật tư	1388	154	245.751.000
6	Kết chuyển khoản Công ty ứng vượt cho đội thi công thực hiện công trình tái lập mạng cấp nước chi nhánh Gia Định	141	154	111.389.000
7	Điều chỉnh tăng thu nhập hoạt động tài chính khoản lãi dự thu hợp đồng có kỳ hạn năm 2013	1388	515	275.427.257
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	821	3334	605.489.791
9	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	605.489.791
10	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	421	911	605.489.791
11	Chuyển quỹ dự phòng tài chính về quỹ đầu tư phát triển theo TT 220/2013/TT-BTC	415	414	24.892.873.002
12	Ghi giảm bút toán của kiểm toán độc lập công trình Hàm cống trạm Phú Nhuận do hạch toán 2 lần	138	154	(450.000.000)

TT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
13	Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2013	4212	414	20.412.555.594
14	Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi bổ sung năm 2013	4212	3531	6.383.941.409
15	Trích quỹ khen thưởng - phúc lợi bổ sung năm 2013	4212	3532	1.595.985.352
16	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2013	4212	3534	179.444.315
17	Ghi giảm bút toán trích lập phòng nợ phải thu khó đòi năm 2013	642	139	(8.070.629.253)
18	Trích bổ sung quỹ tiền lương của người lao động năm 2013	642	334	2.794.542.162
19	Trích bổ sung quỹ tiền lương, thù lao của viên chức quản lý năm 2013	642	334	174.426.043

CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 177/NQ-HĐTV

K/ly, HMTV
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 của
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-UBND ngày 02/02/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tại Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Phương án triển khai thực hiện thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển giao 05 Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn nhà nước về làm doanh nghiệp thành viên của Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước;

Căn cứ Công văn số 424/BTC-TCĐN ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Bộ tài chính và Công văn số 1052/UBND-CNN ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc hướng dẫn điều chuyển khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu của các Công ty con 100% vốn Công ty mẹ vượt vốn điều lệ được phê duyệt;

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn ban hành kèm theo Quyết định số 127/QĐ-HĐTV ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng thành viên HFIC;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc tại Tờ trình số 1801/ĐTTC-TCKT ngày 09 tháng 10 năm 2015 về việc phê duyệt Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn;

Hội đồng thành viên HFIC đã nghiên cứu và thống nhất (kết luận ghi nhận tại Biên bản số 341/BB-HĐTV ngày 09 tháng 10 năm 2015),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn theo đề nghị của Tổng Giám đốc HFIC tại Tờ trình số 1801/ĐTTC-TCKT ngày 09 tháng 10 năm 2015 (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn quyết định phê duyệt Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 của Công ty theo quyết nghị tại Điều 1 và theo quy định của Quy chế Quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn; thực hiện việc kết chuyển số dư Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 45.305.428.596 đồng (Bốn mươi lăm tỷ ba trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng) về HFIC theo quy định tại Công văn số 424/BTC-TCDN ngày 14 tháng 01 năm 2015 của Bộ tài chính và Công văn số 1052/UBND-CNN ngày 03 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Tổng Giám đốc HFIC giám sát việc triển khai thực hiện quyết định phê duyệt, trích lập các loại quỹ và kết chuyển Quỹ đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn về HFIC theo quyết nghị tại Điều 1, 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc HFIC, Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn theo chức năng chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND Thành phố;
- Bà Nguyễn Thị Hồng, PCT UBND;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở LĐTB và XH;
- Chỉ cục TCDN TP;
- KSV PTC HFIC;
- Lưu VT, TCKT, QTNL, QLKD, PC, MT

"để báo cáo"

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Trương Văn Non



Phụ lục
**SỔ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHƯƠNG ÁN
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013 CỦA CÔNG TY
TNHH MTV CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN**

(Kèm theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐTV ngày 09/10/2015 của Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn:

Đơn vị tính: đồng	
CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU
A. TÀI SẢN VÀ VỐN	
1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	306.293.086.144
Trong đó:	
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(184.133.486)
3. Hàng tồn kho	20.934.144.181
- Hàng tồn kho	20.934.144.181
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
4. Các khoản phải thu dài hạn	
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	
5. Tài sản cố định	133.827.830.634
a) Tài sản cố định hữu hình	133.708.130.893
- Nguyên giá	206.747.754.342
- Giá trị hao mòn lũy kế (không bao gồm BĐS đầu tư)	(73.039.623.449)
b) Tài sản cố định thuê tài chính	
- Nguyên giá	
- Giá trị hao mòn lũy kế	

c) Tài sản cố định vô hình	119.699.741
- Nguyên giá	481.291.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	(361.592.078)
d) Chi phí xây dựng dở dang	
6. Bất động sản đầu tư	
- Nguyên giá	
- Giá trị hao mòn lũy kế	
7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	
8. Nợ ngắn hạn	489.220.699.981
Trong đó:	
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.495.474.724
- Quỹ thưởng VCQL	329.444.315
9. Nợ dài hạn	1.635.789.799
- Dự phòng phải trả dài hạn	
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
10. Vốn chủ sở hữu	259.582.759.535
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	97.361.500.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
- Quỹ đầu tư phát triển	45.305.428.596
- Quỹ dự phòng tài chính	
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	
11. Nguồn kinh phí và quỹ khác	(90.957.022)
- Nguồn kinh phí	(90.957.022)
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	
B. KẾT QUẢ KINH DOANH	
1. Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	1.126.592.570.576
2. Tổng lãi lỗ phát sinh trong kỳ:	90.867.246.883
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22.825.394.903
4. Các khoản trừ lợi nhuận sau thuế	0
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68.041.851.980
C. QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH	
1. Các khoản phải nộp NSNN:	
- Số năm trước chuyển qua: thừa (+), thiếu (-)	(69.093.416.437)
+ Trong đó, thuế các loại	(7.889.486.634)
- Phát sinh phải nộp trong năm	53.260.314.116
+ Trong đó, thuế các loại	51.835.176.553
- Đã nộp trong năm	59.496.471.287
+ Trong đó, thuế các loại	58.035.218.311
- Số chuyển sang năm sau: thừa (+), thiếu (-)	(62.857.259.266)
+ Trong đó, thuế các loại	(1.689.444.876)
2. Các khoản được NS cấp:	

2. Phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU
- Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.041.851.980
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20.412.555.594
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý	179.444.315
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	13.422.294.106
- Lợi nhuận còn lại được chia theo vốn chủ sở hữu đầu tư (nộp về HFIC)	34.027.557.965